TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ - ST
Ngày 08tháng 8 năm 2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ÔngNguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Duy Lục;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh–Thẩm tra viênToà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 4năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đìnhtheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Ông Đào Văn T,năm sinh: 1974; Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Bà Dương Thị N,năm sinh: 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện tại: Khu dân cư M, Ấp M, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ôngĐào Văn T trình bày:Ông kết hôn với bị đơn bà Dương Thị N ngày 25/10/1993 và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký và cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của ông và bà Nhung là tự nguyện, không thuộc trường hợp bị đe dọa hay cưỡng ép kết hôn. Sau khi kết hôn bà N về chung sống cùng gia đình ông tại thôn H, xã L ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà N chơi bời dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông và bà N đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân thì vợ chồng đã cắt đứt thông tin, bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc hay giúp đỡ gì đến nhau trong cuộc sống nữa.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Dương Thị N.

*Tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị N vắng mặt nhưng quá trình chuẩn bị xét xử bà N đã có lời khai thể hiện:*Bà thừa nhận lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn là đúng, việc bà và ông T kết hôn là tự nguyện, không bị đe dọa hay cưỡng ép kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xẩy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm vợ chồng, bà đã bị ông T đuổi ra khỏi nhà. Bà và ông T đã sống ly thân, trong thời gian ly thân thì bà và ông T đã bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc hay giúp đỡ gì đến nhau trong cuộc sống nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông T được ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa ông T và bà N. Tuy nhiên ngày 23 tháng 5 năm 2022 bà N có đơn đề nghị thay đổi toàn bộ quan điểm đã được Tòa án ghi nhận tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về con chung:ÔngĐào Văn T và bà Dương Thị N đều thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là Đào Thị L, sinh ngày 15/8/1994; Đào Thị T, sinh ngày 30/8/1996 và Đào Duy M, sinh năm 28/01/2002. Hiện đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên ông T và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung;công nợ;đất nông nghiệp và công sức: Ông Đào Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án vàviệc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho ôngĐào Văn T được ly hôn bà Dương Thị N.

Về con chung: Do các con chung của ông T và bà N hiện đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, không bị nhược điểm gì thể chất hoặc tâm thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản; công nợ; đất nông nghiệp và công sức: Do ông T không yêu cầu nên không yêu cầu giải quyết. Đối với bà N đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản; công nợ; đất nông nghiệp nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí có giá ngạch phân chia tài sản nên không giải quyết. Về công sức: Do bà N không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Đào Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Dương Thị N, bà N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Bản thân bà N đang sinh sống tại tỉnh Long An nhưng bà N không có ý kiến gì về việc thụ lý, giải quyết vụ án

của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường nên vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại các Điều 28, 35 và điểm b khoản 1Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2].Về nội dung: Ông Đào Văn T và bà Dương Thị N kết hôn ngày 25/10/1993 và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký và cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của ông và bà N là tự nguyện, không thuộc trường hợp bị đe dọa hay cưỡng ép kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xẩy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân thì ông T và bà N đã cắt đứt quan hệ, bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc hay giúp đỡ gì đến nhau trong cuộc sống. Bị đơn bà N có đơn đề nghị thay đổi quan điểm đã được Tòa án lập tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường. Tuy nhiên bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc thay đổi quan điểm tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn hòa hòa giải thành của Tòa án là cố tình gây khó khăn cho ông T khi giải quyết ly hôn.Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận xử cho ông T và bà N được ly hôn.

[3]. Về con chung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ lời trình bày của các đương sự thì có cơ sở để xác định hiện các con chung của ông T và bà N đều đã trưởng thành, trên 18 và không bị nhược điểm gì về thể chất hoặc tâm thần nên các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản; công nợ; đất nông nghiệp: Bị đơn bà N có đơn phản tố đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của bà N và ông T trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí có giá ngạch chia tài sản nhưng hết thời hạn nộp tiền theo thông báo của Tòa án bà N vẫn không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên yêu cầu của bà N không được Tòa án xem xét. Bà N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức lao động. Đối với nguyên đơn ông Đào Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; công nợ; đất nông nghiệp và công sức; nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Ông Đào Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/NQ - UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Cho ông Đào Văn T được ly hôn với bà Dương Thị N.

Về án phí: Ông Đào Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0005462 ngày 14 tháng 4 năm 2022của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường. Ông Đào Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang